

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
T1 PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Bản án số: 328/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26/6/2025

V/v: không công nhận quan hệ
vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Với T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Bà Trần Thu Hà**

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Thanh Xuân**

2. Bà **Lê Kim P**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Phạm Lệ Quyên** - Cán bộ Toà án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Ông **Dương Bá T1 Luân** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 293/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc: “**Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bé Thị P, sinh năm 1968

HKTT: phường H, T1 phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Bị đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1961

HKTT: Số 203/66 N, phường N, quận Long Biên, T1 phố Hà Nội.

Hiện trú tại: Tổ 11 phường V, quận Long Biên, T1 phố Hà Nội

(Bà P, ông T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NHẬN THẤY:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 01/5/2025 và các lời khai tại Tòa án, bà Bé Thị P trình bày như sau:**

-Về quan hệ tình cảm: Bà Bé Thị P và ông Trần Quốc T chung sống như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2004, ông bà phát sinh mâu thuẫn do mỗi người một tính cách, quan điểm sống không hợp. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2004 đến nay. Nay, bà P xác định tình cảm giữa bà và ông T không còn. Bà đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T.

-Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Trần Chí T1, sinh ngày 04/12/1991. Hiện tại anh T1 đã trưởng thành và có gia đình riêng.

-Về tài sản chung và công nợ: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 10/6/2025 và các lời khai tại Tòa án, ông T trình bày như sau:**

-Về quan hệ tình cảm: Ông và bà Bé Thị P chung sống như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2004 ông bà phát sinh mâu thuẫn do mỗi người một tính cách, quan điểm sống không hợp. Ông bà đã không chung sống cùng nhau từ năm 2004 đến nay. Do ông bà không đăng ký kết hôn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà P.

-Về con chung: Ông T cũng xác định ông bà có 01 con chung là Trần Chí T1, sinh ngày 04/12/1991. Hiện tại anh T1 đã trưởng thành và có gia đình riêng.

-Về tài sản chung và công nợ: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

Tòa án thụ lý vụ án theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ các Điều 14, 15; 16 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Trần Quốc T và Bà Bé Thị P.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Trần Chí T1, sinh ngày 04/12/1991, hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: không xem xét giải quyết do không yêu cầu

Về án phí: bà P có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bé Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với Ông Trần Quốc T, hiện trú tại: tổ 11 phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP.Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định tại Chương X của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Quốc T và Bà Bé Thị P đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp quy định tại khoản 1 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Quốc T và Bà Bé Thị P chung sống như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2004 Ông bà phát sinh mâu thuẫn do mỗi người một tính cách, quan điểm sống không hợp. Ông bà đã không chung sống cùng nhau từ năm 2004 đến nay.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Trần Quốc T và Bà Bé Thị P chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay, bà P và ông T đều thống nhất yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông bà là có căn cứ nên được chấp nhận.

-Về con chung: Ông T và bà P xác định ông bà có 01 con chung là Trần Chí T1, sinh ngày 04/12/1991. Hiện anh T1 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Toà án không xem xét giải quyết.

-Về tài sản chung và công nợ: Ông bà không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

-Về án phí: Bà P phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147, điều 266; điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân gia đình;

- Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ /UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Bé Thị P đối với Ông Trần Quốc T. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Bé Thị P và Ông Trần Quốc T.

2. Về con chung:

Xác định Bà Bé Thị P và ông Trần Quốc T và có 01 con chung là Trần Chí T1, sinh ngày 04/12/1991. Hiện nay anh T1 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. **Về án phí:** Bà P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà P đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0052004 ngày 09/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, nay chuyển thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm.

Ông T, bà P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;

- VKSND quận Long Biên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

Trần Thu Hà